TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày: 28/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tuấn và ông Nguyễn Đình Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Trương Văn T, sinh ngày 02/8/1975 tại thành phố, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th (đã chết); bị cáo có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 8/12/2019 Công an phường T, thành phố T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 41/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2/ Phạm Văn Tr, sinh ngày 10/02/1991, tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch và con bà Đinh Thị L; bị cáo có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 76/QĐ-XPHC ngày 24/12/2009 Công an phường T xử phạt 100.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 43/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

3/ Hà Văn D, sinh ngày 23/12/1987 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn D và con bà Hoàng Thị Ng; bị cáo có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC ngày 24/12/2009 Công an phường T, thị xã T xử phạt 100.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 42/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

4/ Nguyễn Văn C, sinh ngày 19/6/1963 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Ch (đã chết); bị cáo có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 44/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

5/ Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/6/1974 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị V (đã chết); bị cáo có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 48/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

6/ Nguyễn Văn K, sinh ngày 18/8/1983 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị T; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con; Tiền sự: không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, phạt bổ sung 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" và phải nộp 200.000 đồng án phí hình *sự sơ thẩm. Nộp tiền phạt và án phí ngày 30/03/2021*.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 6/02/2016 Công an phường T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

7/ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 07/5/1967 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

8/ Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/5/1964 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và con bà Phạm Thị Ng (đã chết); bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 50/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

9/ Nguyễn Văn H1, sinh ngày 13/8/1973 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và con bà Dương Thị Th (đã chết); bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 10/3/2009 Công an thị xã T xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 47/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

10/ Nguyễn Đức H2, sinh ngày 19/8/1989 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Nh và con bà Lê Thị M; bị cáo có vợ và 03 con; Tiền sự: không;

- Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 13.000.000 đồng và phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. H chấp hành xong thời gian thử thách ngày 01/3/2022. Nộp tiền phạt và án phí ngày 7/01/2021.

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 106/CA-TX ngày 29/11/2010 Công an thị xã T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. H nộp phạt ngày 6/12/2010.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 49/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

11/ Phạm Văn Ch, sinh ngày 19/8/1960 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (đã chết) và con bà Phạm Thị Tr (đã chết); bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/12/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 51/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn K là: ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình - là bố đẻ của bị cáo (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K là: Ông Lê Trọng K – Luật sư – Văn phòng Luật sư L thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình (có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1973; địa chỉ: tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

+ Người làm chứng: anh Nguyễn Văn S sinh năm 1984; (vắng mặt)

+ Người chứng kiến: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 18 giờ ngày 27/12/2022, T, Tr và D đến nhà ông Nguyễn Văn T thuộc tổ 8, phường T, thành phố T, ăn mừng đám cưới. Sau khi ăn uống xong, T rủ Tr và D đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức "đánh liêng", D và Tr đồng ý. Ba người đi bộ sang nhà anh Nguyễn Văn S (là hàng xóm nhà anh Nguyễn Văn T và là người quen của T, Tr, D) đánh bạc. Khi đến nhà anh S ba người thấy cửa phòng khách mở, trên cửa sổ có bộ bài tú lơ khơ 52 quân, gia đình anh S không có ai ở nhà nên T, Tr và D đi vào phòng khách, T lấy bộ bài tú lơ khơ trên cửa sổ cầm ở tay rồi cùng Tr và D đi lên tầng 2 vào phòng ngủ nhà anh S ngồi xuống nền phòng để chơi đánh liêng, ba người thống nhất mức độ sát phạt đặt cược gà 20.000 đồng phạt hết mức là 200.000 đồng. Đánh được một lúc thì lần lượt Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S; Nguyễn Đức H2, Phạm Văn Ch đi đến nhà anh S chơi, 9 người lên tầng 2 nhà anh S thấy Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D đang đánh bạc thì C, H, K, T1, Q và H1 xin chơi cùng còn Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch ngồi xem. Khi bắt đầu đánh bạc Nguyễn Văn H1 có 500.000 đồng, Nguyễn Văn Q có 610.000 đồng đánh được một lúc H1 và Q thua gần hết tiền nên Q hỏi vay tiền H2, H1 hỏi

vay Ch tiền để tiếp tục chơi đánh bạc. Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch ngồi xem đánh bạc thấy Q và H1 hỏi vay tiền để đánh bạc. H2 đã cho Q vay 1.000.000 đồng, Ch đã cho H1 vay 2.000.000 đồng để tiếp tục chơi đánh bạc. 9 người chơi đánh bạc đến 20 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố T kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 04 ví da và tổng số tiền 20.010.000 đồng *(Hai mươi triệu không trăm mười nghìn đồng)*, cụ thể như sau: tại vị trí ngồi của Trương Văn T là 2.680.000 đồng; tại vị trí ngồi của Hà Văn D là 1.020.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn C là 1.380.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn K là 440.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn Q là 240.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn T1 là 320.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn H là 640.000 đồng; thu tiền để trong người Phạm Văn Tr là 4.500.000 đồng; thu tiền để trong người của Nguyễn Văn C là 4.500.000 đồng; thu tiền để trong người Nguyễn Văn H1 là 2.290.000 đồng; thu tiền để trong người Nguyễn Văn K là 1.000.000 đồng; thu tiền để trong người của Nguyễn Văn Q là 1.000.000 đồng.

Sau khi phát hiện, bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành lấy lời khai Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2, Phạm Văn Ch, tất cả các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Riêng Nguyễn Văn K còn khai thêm bản thân bị mắc bệnh tâm thần phải điều trị tại nhiều cơ sở y tế hiện đang điều trị ngoại trú tại Trạm y tế phường T. Cơ quan điều tra đã thu thập bệnh án tiến hành trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Văn K. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 113 ngày 26/4/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 27/12/2022 và tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Văn K bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid. Theo phân loại bệnh quốc tế thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0, giai đoạn bệnh thuyên giảm. Tại các thời điểm trên đối tượng Nguyễn Văn K hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra xác định số tiền Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1 sử dụng đánh bạc là 15.510.000 đồng, trong đó Trương Văn T sử dụng 2.600.000 đồng, Phạm Văn Tr sử dụng 4.000.000 đồng, Hà Văn D sử dụng 1.200.000 đồng, Nguyễn Văn C sử dụng 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn H1 sử dụng 2.500.000 đồng (gồm 500.000 đồng của Hữu và vay của Phạm Văn Ch 2.000.000 đồng), Nguyễn Văn T1 sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Văn H sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn Q sử dụng 1.610.000 đồng, (gồm 610.000 đồng của Q và vay của Nguyễn Đức H2 1.000.000 đồng), Nguyễn Văn K sử dụng 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Cáo trạng số 43/CT – VKS ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch ra trước

Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điểm s, q khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H2.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn T.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hà Văn D, Nguyễn Văn H1 và Phạm Văn Tr.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Ch, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Ch và Nguyễn Văn H.

Xử phạt các bị cáo như sau:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ **09 (chín)** tháng đến **12 (mười hai)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với phần hình phạt **15 (mười lăm**) tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc của Bản án số 53/HSST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án này. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H2 từ **06 (sáu)** tháng đến **09 (chín)** tháng tù, được trừ đi 02 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Đức H2 mỗi bị cáo từ **10.000.000đ** (mười triệu) đến **15.000.000đ** (mười lăm triệu) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn T từ **09 (chín)** tháng đến **12 (mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ **18 (mười tám)** tháng đến **24 (hai mươi bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Văn T từ **10.000.000đ (mười triệu đồng)** đến **15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)** để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr từ **15 (mười lăm)** tháng đến **18 (mười tám)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ **12 (mười hai)** tháng đến **15 (mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn D từ **09 (chín)** tháng đến **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn Tr và Hà Văn D trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, việc khấu trừ được thực hiện hàng tháng.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn Tr và Hà Văn D mỗi bị cáo từ **10.000.000đ** (mười triệu) đến **15.000.000đ** (Mười lăm triệu) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn Tr và Hà Văn D cho Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi các bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Q từ **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** đến **33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn C từ **27.000.000đ (hai mươi bẩy triệu đồng)** đến **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn H từ **27.000.000đ (hai mươi bẩy triệu đồng)** đến **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn T1 từ **24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng)** đến **27.000.000đ (hai mươi bẩy triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Phạm Văn Ch từ **21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng)** đến **24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.510.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 4.500.000 đồng

+ Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn K không có ý kiến gì về lời khai của bị cáo cũng như lời bào chữa của Luật sư.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã rõ: Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo tôi không có ý kiến gì, việc truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s và q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Thời điểm thực hiện hành vi bị cáo hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo đã ly hôn vợ và đang nuôi một con nhỏ. Do bị cáo Nguyễn Văn K có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo một mức án thấp nhất là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn S trình bày: vào tối ngày 27/12/2022 tại phòng ngủ trên tầng 2 nhà anh Nguyễn Văn S anh đang xem các anh Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền với mức đóng gà là 20.000 đồng, phạt hết nước là 200.000 đồng thì bị Công an thành phố Tam Điệp bắt quả tang về hành vi đánh bạc. Tại đây các anh Công an thu giữ tổng số tiền là 20.010.000 đồng, 04 chiếc điện ví và 01 bộ bài tú lơ khơ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật đã thu giữ. Mặt khác được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 19 giờ 50 phút ngày 27/12/2022 tại phòng ngủ trên tầng 2 nhà ông Nguyễn Văn S ở tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng. Sau đó lần lượt Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1 đến chơi cùng. Trong quá trình chơi Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn H1 bị thua gần hết tiền thì Q và H1 đã hỏi Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch đang ngồi xem đánh bạc thì H2 cho Q vay 1.000.000 đồng và Ch cho H1 vay 2.000.000 đồng để Q, H1 tiếp tục đánh bạc. Đến 20 giờ 50 phút cùng ngày các đối tượng đang đánh bạc thì bị

Công an thành phố Tam Điệp phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 15.510.000 đồng đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự " Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Từ căn cứ trên thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra tại nơi tập trung đông dân cư, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phường T nói riêng và trên địa bàn thành phố T nói chung. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có nhiều đối tượng tham gia nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời xem xét đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Trương Văn T là người trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm mục đích tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bản thân Trương Văn T là người chủ động khởi xướng việc đánh bạc và rủ các bị cáo Tr và D tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền. Do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo cao nhất trong vụ án là phù hợp.

Đối với bị cáo Phạm Văn Tr, Hà Văn D, là người trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm mục đích tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật cấm nhưng khi được T rủ các bị cáo không khuyên can mà lại đồng tình tham gia đánh bạc cùng với T. Về thời gian đánh bạc các bị cáo đều tham gia từ đầu đến khi bị bắt, tuy nhiên về số tiền tham gia đánh bạc thì có sự khác khác nhau, bị cáo Tr có số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo D có 1.200.000 đồng. Do vậy về trách nhiệm hình sự của Tr cao hơn D là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn H là những người ham mê cờ bạc, khi thấy các bị cáo đánh bạc thì C và H cùng tích cực tham gia về thời gian tham gia và số tiền tham gia đánh bạc giữa các bị cáo là ngang nhau. Do vậy về trách nhiệm hình sự của C và H bằng nhau là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K theo Kết luận giám định pháp tâm thần số 113 ngày 26/4/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/12/2022 và tại thời điểm giám định đối tượng Nguyễn Văn K bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paraniod. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0. Bệnh ở giai đoạn thuyên giảm, tuy bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn biết việc đánh bạc của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện về thời gian và số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo so với C và H là ngang nhau. Do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo bằng C và H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn H1 là những người ham mê cờ bạc, khi thấy các bị cáo đang đánh bạc thì tích cực vào tham gia, về thời gian đánh bạc về số tiền tham gia đánh bạc thì H1 có số tiền 2.500.000 đồng, bị cáo Q có 1.610.000 đồng và bị cáo T1 có 400.000 đồng. Do vậy về trách nhiệm hình sự của H1 cao hơn Q và T1 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Đức H2, Phạm Văn Ch biết Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn H1 đánh bạc bị thua hết tiền, khi hỏi H2, Ch vay tiền để tiếp tục đánh bạc thì H2, Ch đã cho Q, H1 vay tiền để đánh bạc cùng các bị cáo khác. Do vậy các bị cáo H2 và Ch phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của các bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức.

[3] Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Ch có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Đức H2 đã bị kết án về tội đánh bạc. Bị cáo K đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo H2 đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản.

Đối với bị cáo Trương Văn Tuấn đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo Phạm Văn Tr đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", bị cáo Nguyễn Văn H1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo Hà Văn D đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q và Phạm Văn Ch không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức H2: tại Bản án số 53/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 18 tháng. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 của Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K: tại Bản án số 53/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án

treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Đánh bạc". Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo nên chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 của Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự chung cho tất cả các bị cáo. Các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q và Phạm Văn Ch phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K tại thời điểm phạm tội là người có bệnh tâm thần phân liệt thể Paraniod bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Nguyễn Văn H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn K và bị cáo Nguyễn Đức H2: Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc. Do K phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, do vậy cần chuyển hình phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo thành 15 tháng tù có thời hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 65 để tổng hợp hình phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc của Bản án số 53/HSST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình Điệp với hình phạt của bản án này theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để áp dụng đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, căn cứ Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Trương Văn T ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cước lý lịch rõ ràng, hành vi của các bị cáo Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1, ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ để các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám

sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Ch và Nguyễn Văn H, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Ch và Nguyễn Văn H cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Đức H2, Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do áp dụng hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Ch và Nguyễn Văn H là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Q, C, T1, Ch và H.

Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khấu trừ thu nhập 5% trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1.

[7] Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn S là chủ nhà, nhưng không biết các bị cáo đánh bạc trái phép tại nhà của mình nên ông Sửu không vi phạm pháp luật.

[8] ***Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:***

Đối với số tiền 15.510.000đ thu giữ của các bị cáo đây là số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp với điểm b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C, qúa trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 04 ví da đã thu giữ, quá trình điều tra xác định là của Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn , Nguyễn Văn Q, Hà Văn D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại cho C, K, Q, D là đúng theo quy định của pháp luật.

[9]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và

những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[10] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Ch bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định song bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Việc đề nghị của bị cáo là chính đáng do đó cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho các bị cáo

Bị cáo Nguyễn Văn C bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định song bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí, tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu miễn án phí, bị cáo trình bày bị cáo có đủ điều kiện để nộp án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử không miễn án phí cho bị cáo.

[11] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điểm s, q khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H2.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn T.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Ch, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Ch và Nguyễn Văn H.

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố:

Các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đức H2 và Phạm Văn Ch phạm tội: Đánh bạc.

Xử phạt các bị cáo như sau:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K **09 (chín)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với phần hình phạt **15 (mười lăm**) tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc của Bản án số 53/HSST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **24 (hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H2 **06 (sáu)** tháng tù, được trừ đi 02 ngày tạm giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/12/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn K và Nguyễn Đức H2 mỗi bị cáo **10.000.000đ** (mười triệu) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn T **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (mười tám)** tháng kể từ ngày tuyên án là ngày 28/6/2023.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Văn T **10.000.000đ (mười triệu đồng)** để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr **15 (mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn D **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Tam Điệp nhận được Quyết định thi hành án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của các bị cáo, Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, việc khấu trừ được thực hiện hàng tháng.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo **10.000.000đ** (mười triệu) để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn Tr, Hà Văn D và Nguyễn Văn H1 cho Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi các bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Q **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn Cg **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn H **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Nguyễn Văn T1 **27.000.000đ (hai mươi bẩy triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền Phạm Văn Ch **24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

2/ ***Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:***

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.510.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Cường số tiền 4.500.000 đồng

Những vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã chuyển cho Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 24 tháng 5 năm 2023 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp và Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

3/ Về án phí:

Buộc các bị cáo Trương Văn T, Phạm Văn Tr, Hà Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q Nguyễn Văn K và Nguyễn Đức H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn Ch.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ.
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú